

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/11/2018
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 26/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXX-ST ngày 19/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Chung Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Trần Minh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị Chung Th trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2016 ngày 30/12/2016. Sau khi cưới nhau về, hai vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bị đơn thường xuyên uống rượu, về nhà cãi nhau và đốt hết quần áo của nguyên đơn nên từ tháng 4/2017 cho đến nay, chúng tôi không còn sống chung và không có liên lạc gì. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn Trần Minh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Chung Th được ly hôn với bị đơn Trần Minh T; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị Chung Th xin ly hôn với bị đơn Trần Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Chung Th và bị đơn Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2016 ngày 30/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn đã trình bày, các đương sự không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Chung Th được ly hôn với bị đơn Trần Minh T.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Võ Thị Chung Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010131 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã A, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(Số 87/2016);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hoa Dung